

CÁC GIẢI PHÁP HẠN CHẾ NỢ QUÁ HẠN TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS. Hà Văn Dương
Quỹ Bảo lãnh Tín dụng TP.HCM

Tóm tắt: Nợ quá hạn (NQH) nói chung và nợ xấu nói riêng ở mức cao đang là gánh nặng của các ngân hàng thương mại (NHTM), gây cản trở cho tiến trình đổi mới và phát triển kinh tế trong những năm qua. Xử lý nợ xấu tại các NHTM là một yêu cầu cấp thiết nhằm cơ cấu lại tài chính, lành mạnh hóa tình trạng tài chính của các NHTM; việc đánh giá NQH bao gồm các khoản nợ xấu đang lan tỏa nhanh tại nhiều NHTM với mức độ gia tăng cao, tốc độ tăng nhanh, phạm vi lan tỏa ngày càng rộng tại nhiều NHTM và từ đó có những định hướng, đề xuất các giải pháp hạn chế NQH, góp phần nâng cao chất lượng tín dụng tại nhiều NHTM Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Nợ quá hạn, nợ xấu, tái cấu trúc ngân hàng.

Đặt vấn đề

Hoạt động tín dụng (HĐTD) của các NHTM luôn ẩn chứa nhiều rủi ro do những bất ổn về tài chính tiền tệ thế giới và các cuộc khủng hoảng tiền tệ - ngân hàng đã tác động với các mức độ khác nhau đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hệ thống ngân hàng nói riêng. HĐTD của nhiều NHTM gặp nhiều khó khăn, xuất phát từ huy động vốn với mức lãi suất cao, cạnh tranh lãi suất diễn ra gay gắt, nợ xấu gia tăng, thiếu hụt thanh khoản, thiếu hụt nguồn vốn để đáp ứng cho nhu cầu vốn tín dụng. Sự suy giảm về hoạt động sản xuất - kinh doanh của nhiều doanh nghiệp... cũng ảnh hưởng tiêu cực đến HĐTD của các NHTM.

Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã có một số giải pháp quản lý thông qua tổ chức triển khai Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015 và chỉ đạo các NHTM sớm thực hiện các giải pháp cơ cấu lại hoạt động ngân hàng, cơ cấu lại tài chính với một trong những trọng tâm là xử lý nợ xấu. Tuy nhiên, việc xử lý nợ xấu còn chậm so với yêu cầu tại nhiều NHTM, gây ra những biến động bất thường trong HĐTD và gây bất ổn đối với an toàn hoạt động ngân hàng. Bài viết này

dựa vào đánh giá NQH (nợ từ nhóm 2-5) bao gồm các khoản nợ xấu để đề xuất các giải pháp hạn chế NQH, góp phần nâng cao chất lượng tín dụng tại nhiều NHTM Việt Nam hiện nay.

Cơ sở xác định nợ quá hạn và nợ xấu của các NHTM

NQH là một trong những tiêu chí đánh giá chất lượng tín dụng của các NHTM, NQH càng gia tăng cao, làm cho chất lượng tín dụng càng suy giảm. Cơ sở xác định NQH, nợ xấu của các NHTM tại Việt Nam dựa vào quy định của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN (QĐ 493) ngày 22/4/2005 quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng được sửa đổi bổ sung bởi Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN.

Đến đầu năm 2013, NHNN đã ban hành Thông tư 02/2013/TT-NHNN (TT 02) ngày 21/01/2013 về việc phân loại nợ và tiêu chuẩn trích lập dự phòng, sẽ thay thế Quyết định QĐ 493 và Quyết định 780/QĐ-NHNN ngày 23/4/2012 (QĐ 780) về việc phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ. TT 02 sẽ có hiệu lực từ ngày 01/6/2013 cũng quy định xác định NQH, nợ xấu theo phương pháp định

lượng dựa vào thời gian quá hạn của khoản nợ và phương pháp định tính, có những quy định mở rộng, bổ sung thêm về phân loại nợ đối với các khoản cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng, tiền mua và ủy thác mua trái phiếu chưa niêm yết, ủy thác cấp tín dụng; tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán); đặc biệt, quy định về xác định tỷ lệ nợ xấu là tỷ lệ giữa tổng nợ và cam kết ngoại bảng từ nhóm 3-5 so với tổng nợ và các cam kết ngoại bảng từ nhóm 1-5, cho thấy danh mục quản lý nợ xấu của các NHTM được mở rộng hơn so với trước đây.

qua. Thực trạng NQH tại các NHTM thể hiện qua các mặt sau:

Thứ nhất, tỷ lệ nợ quá hạn và mức độ, tốc độ gia tăng nợ quá hạn

Tổng dư nợ tín dụng của 10 NHTM đến cuối năm 2012 đạt 1.326.548,30 tỷ đồng, gấp hơn 2,56 lần so với năm 2008. Trong giai đoạn 2008-2012, dư nợ tín dụng của 10 NHTM gia tăng cao qua nhiều năm, nhưng tăng trưởng chậm lại và có xu hướng giảm dần tốc độ tăng trưởng tín dụng giai đoạn 2011-2012 (Bảng 1).

Bảng 1: Tỷ lệ NQH và mức độ, tốc độ gia tăng của 10 NHTM giai đoạn 2008-2012

Đơn vị tính: tỷ đồng

	2008	2009	2010	2011	2012
Tổng dư nợ tín dụng	518.110,21	729.620,80	994.707,59	1.172.072,70	1.326.548,30
Tốc độ tăng trưởng tín dụng (%)		40,82	36,33	17,83	13,18
Tổng dư NQH	55.931,68	57.434,80	68.346,62	101.339,91	101.904,23
Mức độ gia tăng dư NQH		1.503,12	10.911,82	32.993,29	564,32
Tốc độ tăng NQH (%)		2,69	19,00	48,27	0,56
Tỷ lệ NQH (%)	10,80	7,87	6,87	8,65	8,37

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo tài chính của 10 NHTM

Đánh giá thực trạng nợ quá hạn tại nhiều NHTM hiện nay

Trên cơ sở thông tin, số liệu của 10 NHTM được dùng để phân tích, đánh giá thực trạng NQH giai đoạn 2008-2012 bao gồm: NHTMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), NHTMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank), NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), NHTMCP Á Châu (ACB), NHTMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank), NHTMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank), NHTMCP Bảo Việt, NHTMCP Nhà Hà Nội (sáp nhập vào NHTMCP Sài Gòn - Hà Nội trong năm 2012), NHTMCP Sài Gòn - Hà Nội, NHTMCP Quân đội. Đây là các NHTM có tính đại diện cao, nhất là các NHTM thuộc nhà nước là Vietcombank, Vietinbank, BIDV và các NHTM cổ phần là ACB, Eximbank, Sacombank, hầu hết các NHTM này có tốc độ tăng trưởng tín dụng cao, có quy mô hoạt động rộng khắp và chiếm thị phần lớn trong HĐTD từ nhiều năm

Tăng trưởng tín dụng cao nhiều năm chưa được cảnh báo đúng lúc, nhiều NHTM dự báo khá tự tin về phát triển của thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản trong tương lai, đã cấp tín dụng ở mức độ lớn vào các lĩnh vực này và gặp nhiều rủi ro khi thị trường chứng khoán giảm sút, thị trường bất động sản đóng băng. Mặt khác, trong những năm vừa qua, HĐTD của các NHTM bị tác động bởi kinh tế vĩ mô bất ổn, chính sách tiền tệ thắt chặt (lãi suất gia tăng, hạn chế tăng trưởng tín dụng, đặc biệt hạn chế cho vay trong các lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản, chứng khoán, hạn chế cho vay tiêu dùng) đồng thời do tác động từ những khó khăn của các doanh nghiệp, từ các yếu tố bên trong của các NHTM... đã làm cho NQH phát sinh với mức độ gia tăng ngày càng lớn.

Cụ thể, tỷ lệ NQH của các NHTM luôn ở mức khá cao, năm 2008 chiếm 10,80% trong tổng dư nợ tín dụng, tỷ lệ này hạ thấp còn 7,87%

trong năm 2009. Qua chương trình hỗ trợ lãi suất của Chính phủ, nhiều NHTM hưởng ứng và tranh thủ chính sách kích cầu, hỗ trợ lãi suất của Chính phủ; nhiều doanh nghiệp tiếp cận vốn vay đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất - kinh doanh. Từ đó một số NHTM đã cắt giảm được NQH, đặc biệt là cắt giảm nợ xấu. Tuy nhiên, nhiều NHTM vẫn còn phát sinh thêm NQH ở mức cao, đã làm cho tổng mức NQH của các NHTM phát sinh tăng với tốc độ tăng 3,81% trong năm 2009 so với năm 2008; nhưng do tăng trưởng dư nợ tín dụng ở mức trên 40% đã tác động làm giảm dần tỷ lệ dư NQH trong năm. Do vậy, tỷ lệ dư NQH trong năm 2009 chủ yếu do dư nợ tín dụng gia tăng cao và thực chất NQH vẫn phát sinh tăng thêm với mức tăng 1.503,12 tỷ đồng.

Tăng trưởng tín dụng năm 2010 tăng đến mức 36,33% so với năm 2009, do tiếp tục thực hiện hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu vừa và nhỏ với những khoản vay trung và dài hạn trong những tháng đầu năm 2010. Sau khi chính sách hỗ trợ lãi suất chấm dứt, lãi suất vay vốn bằng VND tăng mạnh, tỷ giá ngoại hối ít biến động, tạo chênh lệch lớn về chi phí lãi vay so với vay vốn bằng ngoại tệ. Bên cạnh đó, NHNN hạ dự trữ bắt buộc, mở rộng đối tượng được vay vốn bằng ngoại tệ, tạo nên sự bùng nổ của tín dụng bằng ngoại tệ. Trong khi thực chất NQH trong năm 2010 vẫn tiếp tục phát sinh tăng thêm 19% và mức tăng 10.911,82 tỷ đồng so với năm 2009; nhưng tỷ lệ NQH tiếp tục giảm trong năm 2010 còn 6,87% trong tổng dư nợ tín dụng, cho thấy trong năm 2010, yếu tố tác động đến giảm NQH trong năm 2010 chủ yếu vẫn do tăng trưởng tín dụng cao.

Trong năm 2011, NHNN đã thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, nên tốc độ tăng trưởng tín dụng đạt 17,83%, giảm mạnh so với năm 2010; tiếp tục hạn chế cho vay lĩnh vực phi sản xuất, tỷ trọng dư nợ cho vay lĩnh vực phi sản xuất so với tổng dư nợ đến ngày 30/6/2011 tối đa là 22% và đến ngày 31/12/2011 là 16%. Tăng

trưởng dư nợ tín dụng chậm lại, do tác động của lãi suất tăng cao kể từ đầu tháng 5/2011, nhiều NHTM gặp khó khăn trong huy động vốn, thiếu hụt thanh khoản, có lúc lãi suất cho vay nông nghiệp nông thôn lên 16,5-20%/năm, cho vay phi sản xuất từ 25-28%/năm, hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn, thiếu hụt nguồn trả nợ đến hạn... đã tác động làm tăng thêm mức nợ và tốc độ quá hạn khá cao lần lượt là 32.993,29 tỷ đồng và 48,27% trong năm 2011 so với năm 2010, cùng với NQH lên đến tỷ lệ 8,65% trong tổng dư nợ tín dụng năm 2011.

Trong năm 2012, NHNN kiểm soát tăng trưởng tín dụng được phân chia theo 4 nhóm, nhóm 1 tăng trưởng tối đa 17%, nhóm 2 tăng trưởng tối đa 15%, nhóm 3 tăng trưởng tối đa 8% và nhóm 4 không được tăng trưởng; cơ cấu tín dụng hướng vào sản xuất, xuất khẩu, nông nghiệp, nông thôn và các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hạn chế cấp tín dụng đối với lĩnh vực không khuyến khích. Các yếu tố tác động tích cực đến HĐTD là lãi suất cấp tín dụng giảm mạnh, tỷ giá ổn định, thanh khoản của hệ thống ngân hàng được cải thiện dần. Tuy nhiên đến cuối năm 2012, tăng trưởng tín dụng của nhóm các NHTM có tốc độ tăng trưởng cao nhưng chỉ đạt 13,18% và NQH vẫn gia tăng thêm, đưa tổng dư NQH đến mức 101.904,23 tỷ đồng, cho thấy chất lượng tín dụng chưa được cải thiện. Nguyên nhân do nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong sản xuất - kinh doanh; bên cạnh nhiều NHTM lo ngại cấp tín dụng trong điều kiện số khách hàng đáng tin cậy không nhiều và khách hàng vay vốn không đủ điều kiện để cho vay theo quy định.

Tỷ lệ NQH đều tăng hầu hết ở các nhóm trong những năm gần đây, tính đến cuối năm 2012 tỷ lệ nợ cần chú ý đến nợ có khả năng mất vốn tăng lên đến 8,37%, nợ dưới chuẩn đến nợ có khả năng mất vốn lên đến 2,37%, nợ nghi ngờ đến nợ có khả năng mất vốn lên đến 1,45%, nợ có khả năng mất vốn là 0,88%. Đặc biệt, tỷ lệ có nguy cơ mất vốn giai đoạn 2008-2012 chiếm trên 37% đến hơn

53% trong tổng nợ xấu là rủi ro khá cao trong HĐTD của các NHTM (Bảng 2).

thời gian ngắn, rất dễ chuyển từ nợ cần chú ý sang nợ sang nợ dưới tiêu chuẩn, sẽ làm gia

Bảng 2: Tỷ lệ dư nợ phân theo nhóm nợ của 10 NHTM giai đoạn 2008-2012

Đơn vị tính: %

Tỷ lệ dư nợ theo nhóm nợ *	2008	2009	2010	2011	2012
Tỷ lệ dư nợ từ nhóm 2-5	10,80	7,87	6,87	8,65	8,37
Tỷ lệ dư nợ từ nhóm 3-5	2,67	1,71	1,87	1,95	2,37
Tỷ lệ dư nợ từ nhóm 4-5	1,59	1,08	1,23	1,14	1,45
Tỷ lệ dư nợ nhóm 5	1,05	0,76	1,01	0,90	0,88
Tỷ lệ dư nợ nhóm 5 trong tổng nợ xấu	39,44	44,21	53,75	46,46	37,23

Ghi chú: * So với tổng dư nợ

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo tài chính của 10 NHTM

Tốc độ tăng trưởng tín dụng của các NHTM đến cuối năm 2011 tăng 17,83%, thấp hơn nhiều so với những năm liền kề trước và tiếp tục giảm thấp, chỉ còn 13,18% cuối năm 2012. Mặc dù các NHTM đã cơ cấu lại nợ theo QĐ 780, nhưng tỷ lệ nợ xấu tăng mạnh, phản ánh chất lượng tín dụng đang theo chiều hướng xấu đi.

Nợ nhóm 2 luôn chiếm tỷ trọng lớn và gia tăng trong những năm gần đây, nợ nhóm 2 có

tăng thêm nợ xấu và rủi ro trong HĐTD, cũng như tỷ lệ nợ từ nhóm 2-5 ngày càng cao, cho thấy ẩn chứa nguy cơ nợ xấu có khả năng tiếp tục tăng thêm tại các NHTM. Cụ thể, với số liệu đến cuối năm 2012 của 10 NHTM (sáp nhập vào NHTMCP Sài Gòn - Hà Nội trong năm 2012), cho thấy nợ xấu tăng đến cuối năm 2012 gấp 2,27 lần so với năm 2008 và tỷ lệ nợ xấu tăng liên tục từ 2009 đến cuối năm 2012, tăng từ 1,71% vào năm 2009 lên đến 2,37% vào cuối năm 2012 (Bảng 3).

Bảng 3: Nợ xấu của nhóm 10 NHTM giai đoạn 2008-2012

Nợ xấu	2008	2009	2010	2011	2012
Nợ xấu (tỷ đồng)	13.837,58	12.502,72	18.619,66	22.804,40	31.473,84
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2,67	1,71	1,87	1,95	2,37

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo tài chính của 10 NHTM

Bảng 4: Tỷ lệ NHTM có NQH trong 10 NHTM giai đoạn 2008-2012

NHTM có NQH	2008	2009	2010	2011	09/2012
Số lượng NHTM có NQH trên 5%	6	3	3	6	6
Số lượng NHTM có NQH trên 10%	2	2	3	4	4
Số lượng NHTM có NQH trên 15%	1	1	1	2	3
Số lượng NHTM có NQH trên 20%	1	0	1	1	1
Tỷ lệ NHTM có NQH trên 5% (%)	60,00	30,00	30,00	60,00	66,67
Tỷ lệ NHTM có NQH trên 10% (%)	20,00	20,00	30,00	40,00	44,44
Tỷ lệ NHTM có NQH trên 15% (%)	10,00	10,00	10,00	20,00	33,33
Tỷ lệ NHTM có NQH trên 20% (%)	10,00	0,00	10,00	10,00	11,11
Số lượng NHTM	10	10	10	10	9

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo tài chính của 10 NHTM (đến năm 2012 còn 9 NHTM do NHTMCP Nhà Hà Nội sáp nhập vào NHTMCP Sài Gòn - Hà Nội)

Thứ hai, phạm vi nợ quá hạn tại nhiều NHTM

NQH, nợ xấu ngoài phát sinh ngày càng tăng về mức độ, về tốc độ và tỷ lệ, còn phát sinh tăng theo số lượng ngày càng nhiều NHTM có nợ xấu tăng cao, cho thấy NQH, nợ xấu phát sinh tăng cao với nguy cơ mất vốn ngày càng lớn và đã lan tỏa rộng khắp hệ thống NHTM (Bảng 4).

Tính đến cuối năm 2012, số lượng NHTM có NQH trên 5% tăng cao, chiếm tỷ lệ 66,67%, số lượng NHTM có NQH trên 10% chiếm tỷ lệ 44,44%, số lượng NHTM có NQH trên 15% chiếm tỷ lệ 33,33%, số lượng NHTM có NQH trên 20% chiếm tỷ lệ 11,11% (Bảng 4). Do vậy, NQH, nợ xấu có xu hướng ngày càng tăng thêm về tốc độ và giá trị; bên cạnh đó phạm vi NQH đã tăng tại các NHTM trong những năm qua.

Đề xuất các giải pháp hạn chế nợ quá hạn tại nhiều NHTM

Thứ nhất, NHTM chủ động thu hồi NQH từ nhóm 2-5

Công tác thu hồi nợ, giảm dần NQH có thể khác nhau giữa các NHTM do phụ thuộc vào bản chất và độ phức tạp của HĐTD của mỗi NHTM. Song, các NHTM phải xác định giảm dần nợ xấu lẫn NQH thuộc nhóm 2 là cấp thiết trong giai đoạn hiện nay, nếu chỉ chú trọng thu hồi nợ xấu, ít quan tâm đến NQH thuộc nhóm 2, cũng có thể ảnh hưởng đến việc đảm bảo an toàn tín dụng, vì nợ nhóm 2 có thể chuyển sang nhóm 3 trong thời gian ngắn và trở thành nợ xấu.

Các NHTM thực hiện xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch xử lý nợ xấu, phân loại chi tiết nợ xấu theo các tiêu chí nợ xấu do tác động khách quan, do chủ quan; phân loại theo mức độ rủi ro gồm nợ xấu có khả năng mất vốn, nợ xấu có khả năng thu hồi; phân loại nợ xấu theo các lĩnh vực nợ xấu tín dụng tiêu dùng, tín dụng sản xuất, tín

dụng kinh doanh bất động sản, tín dụng kinh doanh chứng khoán, để có các biện pháp xử lý nợ xấu phù hợp theo từng tiêu chí. Theo đó, có thể phân chia và kết hợp các tiêu chí để xử lý giảm dần NQH, nợ xấu như Bảng 5.

Bảng 5: Đề xuất các giải pháp xử lý NQH từ nhóm 2- 5 tại các NHTM

Nguyên nhân	Nợ nhóm 2	Nợ nhóm 3	Nợ nhóm 4	Nợ nhóm 5
Khách quan	(1)	(2)	(3)	(4)
Chủ quan từ NHTM	(1a)	(3)	(4)	(5)
Chủ quan từ khách hàng	(1b)	(4)	(5)	(6)

Nguồn: Tác giả đề xuất

Các giải pháp xử lý NQH thực hiện từ phía các NHTM (Bảng 5) bao gồm: (1) là cấp tín dụng đối với khách hàng có NQH do bị tác động khách quan nên gặp khó khăn tạm thời nhưng có triển vọng phục hồi và phát triển tốt; (1a) là ngừng cấp tín dụng, tiến hành kiểm tra, giám sát thường xuyên hoạt động của khách hàng để có biện pháp hỗ trợ, xử lý thu hồi nợ, nhằm không xảy ra nợ xấu; (1b) là ngừng cấp tín dụng, tiến hành kiểm tra, giám sát thường xuyên hoạt động của khách hàng, kiểm soát tài khoản, tiền mặt để sớm thu hồi nợ, nhằm không xảy ra nợ xấu; (2) là cơ cấu lại nợ, giãn thời gian trả nợ và xem xét miễn, giảm lãi suất một cách hợp lý cho khách hàng có triển vọng tốt sau cơ cấu lại nợ để khách hàng giảm bớt khó khăn tài chính tạm thời và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tạo nguồn thu mới để trả nợ; (3) là cơ cấu lại nợ, giãn thời gian trả nợ cho khách hàng có triển vọng tốt sau cơ cấu lại nợ để khách hàng giảm bớt khó khăn tài chính tạm thời và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tạo nguồn thu mới để trả nợ; (4) là chuyển nợ thành vốn góp vào doanh nghiệp của khách hàng, đồng thời tham gia cơ cấu lại doanh nghiệp; (5) là xử lý tài sản bảo đảm thông qua thỏa thuận chuyển nhượng tài sản, bán nợ để thu hồi vốn, giảm nợ xấu; (6) là xử lý nợ xấu từ quỹ dự phòng rủi ro, phát mãi, thanh lý tài sản...

Thứ hai, ngăn chặn NQH phát sinh mới qua phát triển đa dạng các hình thức cấp tín dụng tại các NHTM

Thực tế hiện nay, HĐTD của các NHTM tập trung chủ yếu vào cho vay, đây là hoạt động có mức độ an toàn thấp nhất trong hoạt động cấp tín dụng. Phát triển HĐTD theo hướng đa dạng phù hợp với quy mô, hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực, nhằm gia tăng mức độ an toàn trong HĐTD, ngoài cho vay các NHTM còn thực hiện cấp tín dụng đa dạng hình thức bao gồm chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh ngân hàng, phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán, khai thác lợi thế nghiệp vụ đối với từng hình thức cấp tín dụng và từng loại hình, phương thức trong mỗi hình thức cấp tín dụng.

Cấp tín dụng cho các khách hàng bằng nhiều hình thức đa dạng và phù hợp cho từng đối tượng khách hàng khác nhau, đa dạng các phương thức và loại hình trong từng hình thức cấp tín dụng phù hợp, như cấp tín dụng thông qua bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa để hạn chế cho vay thiếu tài sản đảm bảo, trường hợp nhu cầu vốn của một khách hàng và người có liên quan vượt quá giới hạn cấp tín dụng quy định, các NHTM thực hiện cấp tín dụng hợp vốn để đảm bảo tỷ lệ an toàn tín dụng, cấp tín dụng bắc cầu cho hoạt động đầu tư, cấp tín dụng thuê mua cho đầu tư nhà ở... là các hoạt động cấp tín dụng có mức độ an toàn cao hơn hoạt động cho vay truyền thống, góp phần ngăn chặn NQH phát sinh thêm tại các NHTM.

Thứ ba, tiến hành quản lý nợ quá hạn bao gồm cả tín dụng xấu tại các NHTM

Các NHTM khi tiến hành các bước triển khai phân loại nợ theo TT 02 kể từ 01/6/2013, cần quản lý nợ quá hạn (bao gồm cả nợ xấu). Theo đó, cần xác định nợ quá hạn là tổng nợ từ nhóm 2-5 và các cam kết ngoại bảng từ nhóm 2-5, vì tổng nợ từ nhóm 2 và các cam kết ngoại bảng từ nhóm 2 có thời gian ngắn, rất dễ chuyển sang nợ xấu và việc giảm tổng nợ

từ nhóm 2 và các cam kết ngoại bảng từ nhóm 2 có ý nghĩa quan trọng trong giảm dần nguy cơ gia tăng thêm tín dụng xấu tại các NHTM.

Thứ tư, NHTM tăng cường kiểm tra, giám sát sau giải ngân

Nhằm hạn chế khách hàng sử dụng vốn sai mục đích dẫn đến NQH, các NHTM cần chú trọng một số trường hợp khách hàng sử dụng vốn sai mục đích, ví dụ khách hàng dùng hóa đơn mua hàng do doanh nghiệp khác cung cấp để NHTM giải ngân chuyển tiền trả cho nhà cung cấp, sau đó khách hàng và nhà cung cấp hủy hóa đơn mua hàng để nhà cung cấp chuyển trả lại tiền và khách hàng dùng nguồn tiền này sử dụng vào mục đích khác hoặc đem trả nợ đến hạn tại NHTM khác.

Thứ năm, tăng cường quản lý nhà nước đối với HĐTD, tạo điều kiện cho các NHTM cấp tín dụng an toàn

- NHNN sớm ban hành đầy đủ khung pháp lý về xếp hạng tín dụng nội bộ: do hiện nay quy định chưa đầy đủ và thống nhất, nên mỗi NHTM tự xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ riêng, nhằm đáp ứng yêu cầu công tác thẩm định, ra quyết định cấp tín dụng. Đây chỉ là thông tin nội bộ nên còn mang tính chủ quan, thậm chí đôi khi thu thập thông tin không đầy đủ có thể tạo ra kết quả thiếu chính xác, dẫn đến những bất cập trong việc so sánh, đánh giá cùng một đối tượng khách hàng tại các NHTM. Do vậy, cần hoàn thiện khung pháp lý đầy đủ hơn, giúp các NHTM xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ cho từng đối tượng khách hàng, kể cả đối tượng hạn chế cấp tín dụng và những người có liên quan, tạo ra kết quả cho xếp hạng tín dụng nội bộ đồng nhất và chính xác tại tất cả các NHTM, tạo thuận lợi cho công tác quản lý tín dụng quá hạn bao gồm cả tín dụng xấu với thông tin, dữ liệu đồng nhất, minh bạch tại các NHTM.

- NHNN ban hành quy định hướng dẫn nhằm ngăn ngừa cho vay đảo nợ: theo quy định tại

Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của NHNN, quy định “Việc đảo nợ, các Tổ chức Tín dụng thực hiện theo quy định riêng của NHNN Việt Nam”; Luật các Tổ chức Tín dụng số 07/1997/QHX quy định: “Việc đảo nợ được thực hiện theo quy định của Chính phủ”. Luật này đã được thay bằng Luật các Tổ chức Tín dụng 2010 nhưng không có điều khoản nào quy định về cho vay đảo nợ. Có nhiều ý kiến từ các nhà quản lý không chấp nhận cho vay đảo nợ vì đây là kết quả của hoạt động kinh tế không hiệu quả, gây thất thoát tài sản và gây phức tạp trong công tác quản lý nhà nước, cho nên NHNN cần có văn bản hướng dẫn nhằm quy định chi tiết về cho vay đảo nợ, góp phần an toàn HĐTD.

- Kiểm soát chặt chẽ hoạt động mua bán nợ giữa các NHTM: NHNN kiểm soát chặt chẽ hoạt động mua bán nợ của các NHTM nhằm ngăn ngừa NHTM bán NQH cho một NHTM khác với cam kết sẽ mua lại sau đó, đã làm cho NQH trở thành nợ đủ tiêu chuẩn và đảo nợ qua tái lập kỳ hạn nợ mới.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát của NHNN: tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát trong việc chấp hành các quy chế cấp tín dụng, tuân thủ các chỉ đạo, điều hành của NHNN, các quy định về đảm bảo an toàn HĐTD và công tác xử lý NQH, nợ xấu tại từng NHTM. Do các nghiệp vụ ngân hàng đều liên quan mật thiết với nhau, nên trong công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát về HĐTD của NHTM cần kiểm tra, thanh tra, giám sát toàn diện hoạt động của NHTM, trong đó HĐTD làm trung tâm, nhằm xác định được nguyên nhân cốt lõi của các vi phạm trong HĐTD của các NHTM, nhằm xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro tín dụng. Đồng thời, xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để kịp thời kiểm tra, thanh tra, giám sát nhằm đảm bảo an

toàn trong quá trình cấp tín dụng cho các công ty con, công ty liên kết của các NHTM mà hiện tại các công ty này thường có mức dư nợ khá cao.

- Triển khai đồng bộ các đề án đã được Chính phủ phê duyệt: triển khai đồng bộ Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011-2015 và Đề án tổng thể tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh giai đoạn 2013-2020 nhằm cơ cấu lại tài chính và lành mạnh hóa tình trạng tài chính của các NHTM.

Kết luận

Qua phân tích NQH nói chung và nợ xấu nói riêng, có thể nhận thấy xu hướng NQH của nhiều NHTM giai đoạn 2006-9/2012 biến động phụ thuộc vào chính sách nới lỏng hoặc thắt chặt tín dụng. Tăng trưởng tín dụng tăng cao trong điều kiện chính sách nới lỏng tín dụng, từ đó tác động đến giảm dần tỷ lệ NQH và ngược lại khi thắt chặt tín dụng, tác động làm tăng tỷ lệ NQH. Về thực chất dư NQH, dư nợ xấu phát sinh ngày càng tăng cao với nguy cơ mất vốn ngày càng lớn và đã lan tỏa rộng khắp, đang là gánh nặng của các NHTM, gây cản trở cho tiến trình đổi mới và phát triển kinh tế trong những năm qua. Xử lý nợ xấu tại các NHTM là một yêu cầu cấp thiết nhằm cơ cấu lại tài chính, lành mạnh hóa tình trạng tài chính của các NHTM. Theo đó, các giải pháp đề xuất đối với NHTM cần tập trung vào chủ động thu hồi NQH từ nhóm 2-5, ngăn chặn NQH phát sinh mới qua việc phát triển đa dạng các hình thức cấp tín dụng, tiến hành quản lý tín dụng quá hạn bao gồm cả tín dụng xấu. Đồng thời, tăng cường quản lý nhà nước đối với HĐTD, tạo điều kiện cho các NHTM cấp tín dụng an toàn, hạn chế NQH, góp phần nâng cao chất lượng tín dụng của các NHTM Việt Nam hiện nay. ■

Tài liệu tham khảo

1. Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính của 10 ngân hàng thương mại giai đoạn 2008-2012.
2. Các báo cáo tổng kết tình hình hoạt động ngân hàng trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh giai đoạn 2008-2011.